

QUY TRÌNH KỸ THUẬT CANH TÁC GIỐNG CÂY TRỒNG

1. Đối tượng áp dụng và thời vụ

1.1 Đối tượng

STT	TÊN GIỐNG
1	BÍ HẠT ĐẬU PN 268
2	BÍ HẠT ĐẬU PN 389
3	BÍ HẠT ĐẬU PN 009
4	BÍ HẠT ĐẬU PN 003
5	BÍ HẠT ĐẬU PN 808
6	BÍ ĐỎ ĂN NON PN 333
7	BÍ ĐỎ SUPER STAR 350
8	BÍ ĐỎ DÀI PN 159

1.2 Thời vụ

Ở Miền nam và miền trung cây có thể trồng được quanh năm, để đạt năng suất cao nên trồng chính vụ (miền Nam: Đông Xuân, Xuân Hè. Ở miền Trung: từ tháng 12 đến tháng 5 năm sau Ở miền Trung từ tháng 12 đến tháng 5 năm sau).

Ở Miền Bắc nên xuống giống vụ xuân (tháng 1 đến tháng 3) và hè thu (từ tháng 7 đến tháng 9)

2. Đất trồng:

Đất trồng có thành phần cơ giới nhẹ, thoát nước tốt, loại đất thích hợp nhất là đất thịt pha cát, độ pH thích hợp từ 6 – 6,5.

Trước khi trồng nên làm sạch cỏ, tàn dư thực vật của vụ trước, cày bừa đất tơi xốp. Bón 300-500 kg vôi/ha, nếu pH đất <6 phải tăng lượng vôi.

Sau khi bón vôi 10-15 ngày thì tiến hành bón lót, lên luống và phủ bạt.

Có thể trồng hàng đôi hoặc hàng đơn:

3. Xử lý & gieo hạt:

- Khoảng cách trồng và lượng cần cho 1 ha: theo mô tả ở phụ lục A
- Để hạt nảy mầm nhanh và đều nên ngâm ủ hạt trước khi gieo. Ngâm hạt vào nước ấm (2 sôi + 3 lạnh) trong 3-5 giờ sau đó ủ hạt đến khi hạt nảy mầm thì mang đi gieo. Thông thường hạt bắt đầu nảy mầm khoảng 18-24 giờ sau khi ủ. Những hạt chưa nảy mầm đem rửa sạch để ráo rồi ủ lại đến khi hạt nảy mầm tiếp tục gieo.
- Tùy theo thời vụ mà ta có thể gieo thẳng ngoài đồng hoặc gieo vô bầu ươm, khay ươm, cây con có 1 lá thật (6-8 ngày) là có thể đem trồng .

4. Phân Bón:

Lượng phân tổng số tính cho 1 ha/vụ:

Phân chuồng hoai: 25 – 30m³ hoặc phân hữu cơ vi sinh: 1000 kg; vôi bột: 300 -500 kg

Phân vô cơ: 225 kg N - 250 kg P₂O₅ - 160 kg K₂O.

Lưu ý: Chuyển lượng phân hóa học nguyên chất qua phân đơn hoặc NPK tương ứng.

- Cách bón:

Bón lót toàn bộ phân chuồng hoai, phân hữu cơ vi sinh, vôi bột, lân khi làm đất.

Bón thúc lần 1: Sau khi trồng 7 - 10 bón 20% N.

Bón thúc lần 2: Sau khi có hoa cái, bón 30 % N + 60% K₂O.

Bón thúc lần 3: Sau lần bón 2, 10 ngày 50% N + 40% K₂O.

5. Chăm sóc:

- **Tưới nước:**

Cây cần được tưới đủ nước, do đó cần phải cung cấp đủ nước để giữ độ ẩm của đất thích hợp cho cây. Số lần tưới nước trong ngày tùy thuộc vào độ ẩm của đất, nguồn nước tưới phải sạch, không bị ô nhiễm, đặc biệt là trong giai đoạn cây ra hoa và bắt đầu phát triển trái, tuy nhiên cây cũng rất sợ úng nước, do đó đất cần phải được thoát nước thật tốt là vào mùa mưa.

- **Chăm sóc và làm giàn:**

Khi cây có 5 – 6 lá thật, bấm ngọn cho ra nhánh phụ, khi các nhánh phát triển ổn định (20-30Cm) tỉa bỏ bớt chỉ giữ lại 2-3 nhánh khỏe (nên bỏ 2 nhánh gốc).

Thông thường 40-45 ngày sau khi gieo là cây bắt đầu ra hoa. Trường hợp trời ít gió và ong (ong mật, ong bầu...) muốn đạt năng suất cao nên tiến hành thụ phấn bổ sung.

Đối với cây trồng bờ đất: Vào mùa mưa, sau khi thụ phấn nên kê những nụ cái lên chỗ cao ráo không bị đọng nước.

Làm Giàn: Làm giàn chữ U hoặc chữ A, kích thước giàn phụ thuộc vào không gian và thuận tiện cho việc chăm sóc, thu hoạch..

6. Phòng trừ sâu bệnh:

Các Loại côn trùng gây hại thường gặp: Sâu xám, sâu vẽ bùa, sâu xanh ăn lá, rầy xanh, ruồi đục trái, bọ trĩ, rầy nhót, bọ phấn trắng...

Các Loại bệnh hại thường gặp: Bệnh phấn trắng, đốm lá, cháy lá, thán thư, ...

Biện Pháp phòng trừ: Áp dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM

- **Biện pháp canh tác kỹ thuật**

Thời vụ: Bố trí thời vụ thích hợp với từng vùng miền, bố trí công thức luân canh, xen canh với các giống cây trồng khác họ.

Vệ sinh đồng ruộng: Loại bỏ các cây (hoặc các phần cây) bị nhiễm bệnh trên đồng ruộng, thu gom tập trung và xử lý sẽ giúp ngăn ngừa sự lan truyền của các tác nhân gây bệnh tới các cây khỏe.

Xử lý đất: Phơi ải, ngâm ruộng để diệt mầm bệnh và trứng, nhộng ở trong đất.

- **Biện pháp sinh học:**

Sử dụng các chế phẩm sinh học để phòng trừ sâu bệnh hại, hạn chế sử dụng thuốc hóa học có độ độc cao ảnh hưởng đến thiên địch có lợi như ong ký sinh, bọ xít bắt mồi, nhện bắt mồi....

- **Biện pháp vật lý**

Bẫy côn trùng: Sử dụng các loại bẫy bả như bẫy chua ngọt, bẫy dính, bẫy pheromone, bẫy đèn... để bắt côn trùng trưởng thành.

Sử dụng màng phủ đất để hạn chế cỏ dại và một số dịch bệnh trong đất.

- **Biện pháp hóa học:**

Sử dụng hóa chất khi cần thiết và hợp lý, sau khi áp dụng các biện pháp trên không có hiệu quả, khi mật độ dịch hại phát triển đến ngưỡng gây thiệt hại về kinh tế. Tuy nhiên, khi sử dụng thuốc phải cân nhắc kỹ theo nguyên tắc 4 đúng (đúng chủng loại, đúng nồng độ, liều lượng, đúng lúc và đúng cách) và nhớ đọc kỹ hướng dẫn sử dụng thuốc trước khi dùng.

Lưu ý: Không sử dụng các loại thuốc có những hoạt chất cấm sử dụng.

7. Thu hoạch, sơ chế, bảo quản

Thời gian thu hoạch của từng loại cải: theo mô tả ở phụ lục A.

Khi trái đạt được kích cỡ và đặt trung của giống. Khi thu nên thao tác nhẹ nhàng tránh làm xay sát quả.

Trước khi thu hoạch cần phải cách ly thuốc BVTV và phân bón theo khuyến cáo của nhà sản xuất phân, thuốc để đảm bảo an toàn cho người sử dụng./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2021

CÔNG TY TNHH GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG

GIÁM ĐỐC



Phan Thị Triều Tâm

Phụ lục A (đính kèm kỹ thuật trồng bí đỏ)

STT	Tên Giống										Thời gian thu hoạch sau gieo (ngày)
		Bò Đất hàng đôi			Bò giàn hàng đơn			Bò giàn hàng đôi			
		Hàng cách hàng	Cây cách cây	Lượng giống	Hàng cách hàng	Cây cách cây	Lượng giống	Hàng cách hàng	Cây cách cây	Lượng giống	
		(m)	(m)	kg	(m)	(m)	kg	(m)	(m)	kg	
1	BÍ HẠT ĐẬU PN 268	4,5-5	0,5-0,6	0,7-0,9	1-1,2	0,5-0,6	1,4-2,0	2-2,5	0,5-0,6	1,4-2,0	65-80
2	BÍ HẠT ĐẬU PN 389	4,5-5	0,5-0,6	0,7-0,9	1-1,2	0,5-0,6	1,4-2,0	2-2,5	0,5-0,6	1,4-2,0	65-80
3	BÍ HẠT ĐẬU PN 009	4,5-5	0,5-0,6	0,7-0,9	1-1,2	0,5-0,6	1,4-2,0	2-2,5	0,5-0,6	1,4-2,0	65-80
4	BÍ HẠT ĐẬU PN 003	4,5-5	0,5-0,6	0,7-0,9	1-1,2	0,5-0,6	1,4-2,0	2-2,5	0,5-0,6	1,4-2,0	65-80
5	BÍ HẠT ĐẬU PN 808	4,5-5	0,5-0,6	0,7-0,9	1-1,2	0,5-0,6	1,4-2,0	2-2,5	0,5-0,6	1,4-2,0	65-80
6	BÍ ĐỎ ĂN NON PN 333	4,5-5	0,4-0,5	0,8-1,2	1-1,2	0,4-0,5	1,7-2,5	2-2,5	0,4-0,5	1,7-2,5	40-45
7	BÍ ĐỎ SUPER STAR 350	6,8-7	0,5-0,6	0,5-0,7	1,5-1,8	0,5-0,6	1-1,4	3,4-3,6	0,5-0,6	1-1,2	80-95
8	BÍ ĐỎ DÀI PN 159	6,8-7	0,5-0,6	0,5-0,7	1,5-1,8	0,5-0,6	1-1,4	3,4-3,6	0,5-0,6	1-1,2	80-95